



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDETED TESTS

(Kèm theo Quyết định số: 101.2023/QĐ-VPCNCL ngày 22 tháng 02 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm**

Laboratory: **Testing Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế & Kỹ Thuật Cơ Khí Hàng Hải AMI**

Organization: **AMI Engineering & Fabrication Company Limited**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ, Không phá hủy (NDT)**

Field of testing: **Mechanical, Non Destructive Testing**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Lê Anh Tuấn**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Lê Quý Mạnh	Các phép thử được công nhận/ Accreditation tests
2.	Lê Anh Tuấn	
3.	Nguyễn Ngọc Thanh Hùng	

Số hiệu/ Code: **VILAS 1482**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **22/02/2026**

Địa chỉ/ Address: **43/18 Phạm Ngọc Thạch, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**
43/18 Pham Ngoc Thach St., Ward 9, Vung Tau city, Ba Ria-Vung Tau province

Địa điểm/Location: **973 Đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu**
973, 30/4 street, Ward 11, Vung Tau city, Ba Ria-Vung Tau province

Điện thoại/ Tel: **0254 3 810 500**

Fax: **0254 3 810 577**

E-mail: **service@amiengineering.com**

Website: **www.amiengineering.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDETED TESTS***VILAS 1482****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Công ten nơ đi biển <i>Offshore container</i>	Thử tải trọng (x) <i>Proof Load Test</i>	Đến 25 tấn <i>Up to 25 tonnes</i>	QT AMI-PTN-TBN (2022) Phần/ <i>Part</i> 1
2.	Dây cáp thép, Dây xích, Cáp vải nhân tạo <i>Wire rope sling, Chain sling, Man-made fiber sling</i>	Thử tải trọng (x) <i>Proof Load Test</i>	Đến 50 tấn <i>Up to 50 tonnes</i>	QT AMI-PTN-TBN (2022) Phần/ <i>Part</i> 2; 3; 4
3.	Ma ní, Khuyên treo, Cụm khuyên treo, Tăng đỡ, Kẹp tấm, Kẹp dầm <i>Shackle, Master link, Master link Assembly, Turnbuckle, Plate clamp, Beam clamp</i>	Thử tải trọng (x) <i>Proof Load Test</i>	Đến 50 tấn <i>Up to 50 tonnes</i>	QT AMI-PTN-TBN (2022) Phần/ <i>Part</i> 5; 7; 9; 10
4.	Xà nâng, càn nâng co mở, giá nâng <i>Lifting beam, Lifting spreader, Lifting frame</i>	Thử tải trọng (x) <i>Proof Load Test</i>	Đến 50 tấn <i>Up to 50 tonnes</i>	QT AMI-PTN-TBN (2022) Phần/ <i>Part</i> 8
5.	Pa lăng xích kéo tay/ lắc tay, Pa lăng xích điện/ khí <i>Manual operated chain/ Lever hoist, Electric/Air powered chain hoist</i>	Thử tải trọng (x) <i>Proof Load Test</i>	Đến 50 tấn <i>Up to 50 tonnes</i>	QT AMI-PTN-TBN (2022) Phần/ <i>Part</i> 11

Lĩnh vực thử nghiệm: Kiểm tra không phá hủy*Field of testing: Non-Destructive Testing*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDETED TESTS***VILAS 1482**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Vật liệu kim loại và mối hàn <i>Metallic materials and welds</i>	Phát hiện khuyết tật và bất liên tục (x) Phương pháp kiểm tra thẩm thấu chất lòng (PT) <i>Detecting defect and discontinuities Liquid Penetrant Testing (PT)</i>	--	QT AMI-QHSE-PT (2022)
2.		Phát hiện khuyết tật và bất liên tục (x) Phương pháp kiểm tra từ tính (MT) <i>Detecting defect and discontinuities Magnetic Particles Testing (MT)</i>	--	QT AMI-QHSE-MT (2022)

Ghi chú/ notes:

- QT AMI: Phương pháp do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed method*
- (x) Phép thử thực hiện ngoài hiện trường/ *On site test./*

